

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16- 4- 2021

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng

Bà Đặng Thị Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 06 /2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức D - sinh năm 1989

Trú quán: Xóm S, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Bé Thị L - sinh năm 1993

Trú quán: Xóm S, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Thôn Nà Lừa, xã B, huyện Đ, tỉnh L.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2021 và bản tự khai nguyên đơn- anh Nguyễn Đức D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bé Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị tổ chức đám cưới năm 2016. Đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B năm 2016. Chung sống với nhau được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau, không ai nhường nhịn ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bé Thị L.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Thị Diệu V (nữ) sinh ngày 10/02/2017, cháu thứ hai tên là Nguyễn Quang H(nam) sinh ngày 09/8/2019. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh D xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Diệu V và giao cháu Quang H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 25/02/2021 chị Bé Thị L trình bày:

Chị quen anh Nguyễn Đức D tại Bắc Giang khi đi làm công nhân. Trước khi tiến đến hôn nhân anh chị có sự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý, kết hôn ngày 21/7/2016 tại B, tỉnh T. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống và làm việc tại Bắc Giang. Khi đó, chồng có nguyện vọng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, chị và con gái Diệu V đã chuyển về ở nhà nội tại sinh sống và đi làm công ty. Mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ khi chồng không đi Hàn Quốc được mà chuyển sang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Anh D đi học tiếng Nhật hơn một năm, trong thời gian đó thì chị cũng mang thai con trai Quang H. Với đồng lương 3,6 triệu đến 5 triệu tính cả tiền tăng ca, chị trực tiếp nuôi dưỡng con gái đi học mầm non, nuôi chồng đi học tiếng Nhật tại T và bản thân đang mang thai nay ốm nghén mai đau, dọa xảy thai. Chị không có sự trợ giúp kinh tế hay tinh thần từ bất kỳ ai. Chị đã phải vay 20 triệu tiền ngân hàng để chi trả cho các khoản tiền mà chồng con đi học, sau đó chị trả lại bằng tiền chế độ thai sản sau khi sinh con. Chồng không đi làm, không kiếm ra tiền, hay phải vay tiền bố

mẹ chồng. Mẹ chồng chị khó tính, trì triết con dâu, tìm đủ lý do để gây chuyện, đuổi con dâu cùng các cháu ra khỏi nhà. Bà nói chị không ở nhà của bà phải làm tròn bổn phận con dâu, quên đi cội nguồn. Từ đó chị được gọi là đứa con mất dạy, lão toét, tự ý quyết định, ăn bám. Đỉnh điểm là bà chê chị lười biếng trong thời gian con trai và con gái bị bệnh viêm phổi phải nằm viện, chị có cần nhằn với chồng thì chồng lao vào đánh đập chị, mẹ chồng chửi rửa đuổi ra khỏi nhà. Nên chị đồng ý ly hôn với anh D.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Con gái Nguyễn Thị Diệu V sinh ngày 10/02/2017 và con trai Nguyễn Quang H sinh ngày 09/8/2019. Hiện 2 con đang sinh sống và học tập cùng với mẹ ở nhà ông bà ngoại. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và xin được nhận trợ cấp nuôi dưỡng từ anh D 1 triệu đồng/ cháu/ tháng. Lý do nuôi con gái, con gái sinh ra và lớn lên cùng bố mẹ, trong thời gian bố đi học, đi làm thì con trực tiếp và luôn ở với mẹ, trong thời gian sống con hay bị các anh họ đánh đập, bị xâm hại vùng kín, bị chấn động tâm lý, tự kỷ nhẹ. Sau khi con chứng kiến bố đánh mẹ, bà chửi rửa mẹ, cháu bị hoảng loạn mỗi khi có ai nhắc đến nhà nội, nhắc đến bố. Con có nguyện vọng và xin được ở với mẹ, con đang học mầm non tại Nô Lừa, B, Đ, L. Hiện con đã ổn định tâm lý. Lý do nuôi con trai, hiện con đang còn nhỏ con mắc bệnh thiếu máu huyết tán bẩm sinh do ghen di truyền, con hay bị sốt cao và phải đi viện. Cả hai con đều do mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa con đi viện, đi học, bố chủ yếu hỗ trợ về mặt tài chính. Chị hiện tại được ông bà hỗ trợ nuôi dưỡng 2 con, có nhà riêng ở, có điều kiện và thời gian chăm sóc 2 con, có việc làm thu nhập. Chị đảm bảo được 2 con sẽ phát triển tốt khi sống với mẹ.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2021 trường xóm Sơn Nam, phường Đ, thị xã B, tỉnh T cho biết: Vợ chồng anh Nguyễn Đức D và chị Bé Thị L kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn anh D và chị L làm việc tại Bắc Giang được một thời gian hai vợ chồng về chung sống với bố mẹ để anh D ở xóm S. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống nên chị L

đã bỏ về nhà mẹ đẻ mang theo cả hai con về Lạng Sơn ở hơn một tháng nay không ai quan tâm đến ai nữa.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 17/3/2021 và ngày 29/3/2021 chị Bé Thị L vắng mặt có lý do theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/3/2021 và ngày 17/3/2021, anh Nguyễn Đức D có mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Đức D có mặt, bị đơn anh chị Bé Thị L vắng mặt có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là bị đơn tự bỏ đi quyền lợi của mình. Đề nghị HĐXX giải quyết cho anh Nguyễn Đức D được ly hôn chị Bé Thị L, giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị Diệu V(nữ) sinh ngày 10/02/2017 và cháu Nguyễn Quang H(nam) sinh ngày 09/8/2019 cho chị Bé Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 2 con. Anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/ 2 cháu.

Về án phí: Đề nghị buộc anh Nguyễn Đức D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Đức D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bé Thị L. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đông S, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thị xã B theo quy định tại quy định tại Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Anh Nguyễn Đức D và chị Bé Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau. Nay anh D cương quyết xin ly hôn, chị L cũng đồng ý. HĐXX xét thấy, chị L và anh đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2020 đến nay, mạnh ai người nấy sống, không quan tâm đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh D xử cho anh D được ly hôn với chị L là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Thị Diệu V (nữ) sinh ngày 10/02/2017, cháu thứ hai tên là Nguyễn Quang H(nam) sinh ngày 09/8/2019. Nguyên vọng của anh D xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Diệu V đến tuổi thành niên. Giao cháu Quang H cho chị Luyến trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L xin được nuôi dưỡng 2 cháu V và cháu H và đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/ cháu/ tháng. HĐXX thấy, cháu V và cháu Hải sống với bố mẹ và ông bà nội từ nhỏ. Thời gian gần đây vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị L đưa 2 cháu về nhà mẹ đẻ ở mà không xin phép gia đình chồng. Theo chị L khai khi sống ở nhà chồng, con chị hay bị các anh đánh đập và bị xâm hại vùng kín, bị chấn động tâm lý, tuy nhiên đây chỉ là lời khai một phía của chị L nên không có cơ sở. Tòa án đã triệu tập chị L 2 lần nhưng chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt chị. Hơn nữa chị L cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho sự việc trên nên không có cơ sở để khẳng định khi sống ở nhà chồng cháu V bị các anh đánh và xâm hại vùng kín. Về phía anh D cũng khẳng định không có sự việc như chị L đã khai vì theo anh cháu Vychoi với anh họ mới 4 đến 5 tuổi thì không có sự việc xâm hại vùng kín xảy ra, anh khẳng định lời khai của chị L là bịa đặt, nên anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu V và giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng , hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy, hiện nay anh D đang làm việc cho công ty cổ

phần nhựa bao bì Trung Hiếu tại phường Lam Sơn, thị xã B, tỉnh T tổng thu nhập 5.500.000đ và đang sống chung cùng mẹ đẻ . Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho các cháu cần giao cháu V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H sinh ngày 09/8/2019(dưới 3 tuổi) vì vậy giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, và có khả năng lao động, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức D phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 15/01/2021 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007164. Như vậy, anh Nguyễn Đức D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* **Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức D

* Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức D được ly hôn với chị Bé Thị L

* Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu là Nguyễn Thị Diệu V(nữ) sinh ngày 10/02/2017 cho anh Nguyễn Đức D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Quang H(nam) sinh ngày 09/8/2019 cho chị Bé Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức Dũ phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 15/01/2021 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007164. Như vậy, anh Nguyễn Đức D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Đức D, vắng mặt bị đơn chị Bé Thị L. Anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND Thị xã B ;
- Đ- ơng sự;
- UBND P. Đ.(ĐK 2016)
- THA Dân sự TXB;
- L- u Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

